

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2024/DS-ST

Ngày: 10/7/2024

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH GIA LAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nay Lu Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Siu Thun Phrâu.
- Bà Nguyễn Thị Mừng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Cao Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 80/2023/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10a/2021/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 118/2024/QĐST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2024 và Thông báo thay đổi lịch xét xử số 02/TB-TA ngày 20 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần (TMCP) Sài Gòn Thương Tín; địa chỉ trụ sở chính: Số 266-268, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm - Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Sử Duy Hiếu - Chức vụ: Trưởng Phòng Giao dịch S thuộc Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín Chi nhánh Gia Lai; địa chỉ: Số 749-751, Đường Hùng Vương, thị trấn S, huyện S, tỉnh Gia Lai (Theo Văn bản ủy quyền số 3272/2022/QĐ-PL ngày 26/12/2022).

Ông Sử Duy Hiếu ủy quyền tham gia tố tụng tại phiên tòa cho ông Phan Xuân Tuấn – Phó Phòng Giao dịch S thuộc Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín Chi nhánh Gia Lai; địa chỉ: Số 749-751, Đường Hùng Vương, thị trấn S, huyện S, tỉnh Gia Lai (Theo Văn bản ủy quyền số 02/GUQ-PGD CS ngày

02/01/2024). Ông Tuấn có mặt.

Bị đơn: Ông Trịnh Xuân N, sinh năm 1989 và bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1993; Cùng địa chỉ: Thôn Sur B, xã Ia Hla, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 20/3/2023, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín thông qua người đại diện hợp pháp trình bày:

Ngày 03/11/2016, ông Trịnh Xuân N và bà Nguyễn Thị G có vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Gia Lai thông qua Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Gia Lai – Phòng giao dịch S số tiền 50.000.000 đồng theo hợp đồng cho vay từng lần số LD1630800022, đến ngày 01/11/2017 hai bên tiếp tục ký thoả thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng cho vay từng lần số LD1630800022 – 01, tiếp đến ngày 31/10/2018 hai bên ký thoả thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng cho vay từng lần số LD1630800022 – 02, hợp đồng và các thoả thuận đã ký kết giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Gia Lai thông qua Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Gia Lai – Phòng giao dịch S với ông Trịnh Xuân N, bà Nguyễn Thị G xác định được như sau: thời gian vay: 12 tháng, ngày nhận nợ: 05/11/2018, Ngày trả nợ 05/11/2019; lãi suất: 03 tháng đầu tiên 0,90%/tháng, kể từ tháng thứ 4 lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng + biên độ 4%/năm, trả lãi vào ngày 05/11/2019, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn; Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn sản xuất nông nghiệp;

Để đảm bảo cho khoản vay, ông N và bà G đã thế chấp tài sản gồm: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 165, tờ bản đồ số 04, diện tích 554,0m² tại thôn Thôn Sur B, xã Ia Hla, huyện C, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ 594536 do UBND huyện C cấp ngày 06/10/2016 cho ông Trịnh Xuân N và bà Nguyễn Thị G, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1428/2016/PGD-CS ngày 08/11/2016.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 05/11/2018 ông N, bà G đã vi phạm thời hạn trả nợ lãi và gốc. Ngân hàng đã thông báo nợ quá hạn nhưng ông N, bà G không thanh toán cho Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín khởi kiện yêu cầu ông N và bà G phải trả cho Ngân hàng số tiền 89.375.248 đồng, bao gồm: tiền gốc 50.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 5.433.562 đồng, lãi phạt quá hạn 33.941.686 đồng và tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết. Trường hợp ông N, bà G không trả nợ được yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề như sau:

- Buộc ông Trịnh Xuân N và bà Nguyễn Thị G phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ tiền gốc và lãi mà ông N, bà G còn nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký, tạm tính đến ngày 10/7/2024 tổng số tiền là 96.254.570, bao gồm: tiền gốc 50.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 5.433.562 đồng, tiền lãi quá hạn 40.821.088

đồng.

Yêu cầu ông Trịnh Xuân N và bà Nguyễn Thị G phải tiếp tục thanh toán tiền lãi, lãi phạt, phí phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng.

- Trường hợp ông Trịnh Xuân N và bà Nguyễn Thị G vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

- Yêu cầu ông Trịnh Xuân N và bà Nguyễn Thị G phải thanh toán lại cho Ngân hàng khoản tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ mà Ngân hàng đã nộp. Ngân hàng không yêu cầu ông Trịnh Xuân N và bà Nguyễn Thị G phải chịu lãi chậm trả đối với số tiền này. Yêu cầu ông Trịnh Xuân N và bà Nguyễn Thị G phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Trịnh Xuân N và bà Nguyễn Thị G mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, nhiều lần Tòa án triệu tập đến hòa giải, triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên đã không trình bày được quan điểm của mình về nội dung của vụ án.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặc dù vẫn còn một số vi phạm về thủ tục tố tụng nhưng không nghiêm trọng, không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự. Nguyên đơn chấp hành đúng, bị đơn chưa chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền gốc và lãi còn nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký. Trường hợp bị đơn không trả được nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Buộc bị đơn phải chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Trịnh Xuân N và bà Nguyễn Thị G; Cùng địa chỉ: Thôn Sur B, xã Ia Hla, huyện C, tỉnh Gia Lai phải trả số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án dân sự “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai.

[2] Theo kết quả xác minh của Tòa án, bị đơn là Trịnh Xuân N và bà Nguyễn Thị G có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đúng với địa chỉ mà nguyên đơn đã ghi trong đơn khởi kiện và đúng với địa chỉ ghi trong hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tuy nhiên ông bà đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới trở về. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông N, bà G nhưng ông bà vắng mặt đến lần thứ hai không vì trở ngại khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét, Hợp đồng cho vay từng lần số LD1630800022 ngày 03/11/2016; thoả thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng cho vay từng lần số LD1630800022 – 01 ngày 01/11/2017, và thoả thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng cho vay từng lần số LD1630800022 – 02 ngày 31/10/2018 giữa nguyên đơn và bị đơn giao kết hợp pháp, nên có hiệu lực, các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã cam kết, nhưng bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, nên khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Trịnh Xuân N và bà Nguyễn Thị G phải trả cho Ngân hàng số tiền là số tiền là 96.254.570, bao gồm: tiền gốc 50.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 5.433.562 đồng, tiền lãi quá hạn 40.821.088 đồng và toàn bộ lãi phát sinh đến ngày trả hết nợ, theo quy định tại các Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng 2010.

[5] Việc thế chấp tài sản thể hiện ý chí của các bên khi giao kết hợp đồng, mục đích, nội dung, hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành. Do vậy, quá trình thi hành án, nếu ông Trịnh Xuân N, bà Nguyễn Thị G không trả được nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ theo quy định tại Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 299 của Bộ luật Dân sự.

[6] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản ông N, bà G thế chấp cho Ngân hàng. Căn cứ kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 29/01/2024 thì quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất mà ông N, bà G đã thế chấp cho Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp có hiện trạng sử dụng phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp cho ông N, bà G và không có tranh chấp.

[7] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Bị đơn phải chịu trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn số tiền 3.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án

phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 144, Điều 147, Điều 155, Điều 157, 177, 180, 192, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277, 299, 317, 320, 323 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng các Điều 91 và Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, cụ thể như sau:

1. Buộc ông Trịnh Xuân N và bà Nguyễn Thị G phải trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín thông qua Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Gia Lai – Phòng giao dịch S số tiền là 96.254.570 đồng, bao gồm: tiền gốc 50.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 5.433.562 đồng, tiền lãi quá hạn 40.821.088 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp ông Trịnh Xuân N và bà Nguyễn Thị G không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả tiền thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1428/2016/PGD - CS ngày 08/11/2016 để thu hồi nợ.

3. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Trịnh Xuân N và bà Nguyễn Thị G phải trả lại 3.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín thông qua Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Gia Lai – Phòng giao dịch S. Ông N và bà G không phải chịu lãi chậm trả đối với số tiền này.

4. Án phí: Ông Trịnh Xuân N và bà Nguyễn Thị G phải chịu **4.812.729 đồng** án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín thông qua Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Gia Lai - Phòng giao dịch S 2.234.381 đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001469 ngày 26/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ

ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Lưu: HSVA, VT-LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nay Lu Vinh